**Phân tích Tràng Giang Huy Cận – Mẫu 15**

Hoài Thanh đã có một nhận định về các nhà thơ mới năm 1930: “Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”. Mỗi nhà thơ đều có một phong cách riêng làm nên nét độc đáo riêng của mình. Huy Cận là một nhà thơ xuất sắc với lời thơ đượm buồn một nỗi sầu nhân thế. Bài thơ “Tràng Giang” là một bài thơ đắc sắc và thể hiện rõ nỗi sầu nhân thế của Huy Cận lúc bấy giờ.

Huy Cận là một trong số những nhà thơ mới trong giai đoạn 1930- 1945. Nếu như Xuân Diệu say đắm trong trường tình thì Huy Cận lại chìm đắm trong nỗi sầu của nhân thế. Bài thơ “Tràng Giang” là một bài thơ tiêu biểu và đặc sắc nhất được trích trong tập “Lửa thiêng” (1940). Huy Cận sáng tác bài thơ khi đang đứng ở bờ Nam bến Chèm của sông Hồng, nhìn ngắm cảnh thiên thiên sông nước suy ngẫm về cuộc đời mình mà “tức cảnh sinh tình”. Bài thơ thể hiện sâu sắc vẻ đẹp thiên nhiên cũng như nỗi buồn nhân thế của tác giả.

Ngay từ đầu bài thơ Huy Cận đã đưa chúng ta đến với một nét đẹp cổ điển mà ít ai có, chỉ khi đến với Hay Cận chúng ta mới cảm nhận được. Đó là cách đặt tên nhan đề bài thơ, “Tràng Giang” là sông lớn, sông dài. Nhưng tại sao ở đây tác giả không dùng “Trường Giang” mà lại là “Tràng Giang”? “Tràng Giang” điệp vần “ang” tạo nên một âm thanh vang xa, đồng thời cũng thể hiện một nỗi buồn trải dài xuyên suốt cả bài thơ. “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” lời đề từ cũng đã mở rộng ra trước mắt chúng ta một không gian rộng lớn “trời rộng, sông dài”, một nỗi buồn da diết “bâng khuâng”.

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

*Con thuyền xuôi mái nước song song*

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng”.*

Đến với khổ thơ thứ nhất, chúng ta bắt gặp được những hình ảnh mang tính cổ điển, chỉ có ở trong thơ cổ mới có: “trường giang”, “con thuyền”, “củi một cành khô”…Mở ra cho chúng ta một không gian rộng lớn, “điệp điệp” gợi ra không gian theo chiều rộng, “song song” gợi mở không gian theo chiều dài. Một không gian bao la rộng lớn, nhưng cũng tĩnh lặng lạ thường. Bao chum lên cảnh vật là một nỗi buồn “điệp điệp” một nỗi buồn trải dài khiến hình ảnh con thuyền cũng tĩnh lặng giữa dòng nước “song song”. “Thuyền” và “nước” là hai hình ảnh quen thuộc trong thơ, ngoài đời thực chúng cũng là hai sự vật luôn đi liền với nhau không thể rời nhau, Vậy mà ở đây tác giả lại cho ta thấy một sự chia ly giữa thuyền và nước: “thuyền về” còn “nước lại” gọi sự chia ly, sự xa cách hững hờ. Tâm trạng của thi nhân được bộc lộ rõ nét nhất qua câu thơ cuối cùng: “Củi một cành khô lạc mấy dòng” . “Củi” là một hình ảnh nhỏ bé, mong manh vậy mà lại lênh đênh vô định giữa một không gian rộng lớn của sông nước không biết sẽ trôi dạt về đâu. “Củi” đã bé nay lại càng nhỏ bé hơn khi kết hợp với số từ “một” tác giả như muốn nhấn mạnh thân phận bé nhỏ của chính bản thân mình trôi nổi mênh mông giữa dòng đời. Một nỗi buồn cô đơn về thời thế.

Nỗi buồn của thi nhân càng được tăng thêm, càng được đẩy đến đỉnh điểm khi đến với khổ thơ thứ hai:

*“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*

*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*

*Sông dài, trời rộng bến cô liêu”.*

Bức tranh thiên nhiên sông nước ấy có phần tăng thêm sức sồng khi có thêm những “cồn nhỏ”. Những gò đất nổi lên giữa lòng sông ấy lại chỉ “lơ thơ” thưa thớt gợi lên một sự đơn sơ, hoang vắng, “đìu hiu” cô quạnh khi những làn gió thổi qua. Những cơn gió không ồn ào mà chỉ “đìu hiu” làm cho nỗi buồn của thi nhân như được nhân lên khi đứng trước một không gian tiêu điều.

Chợt có đâu đây có tiếng “chợ chiều”. “Chợ” là nơi mà khi đến đó ta biết được cuộc sống nơi đây có ấm no sầm uất hay không. “Đâu” gợi cho chúng ta cảm giác mơ hồ không biết có phải là có âm thanh đó hay không, tác giả cũng chỉ nghe thấy cảm nhận thấy chứ không được nhìn thấy. Âm thanh ấy cũng mờ mờ ảo ảo, vừa thực mà vừa hư. Tưởng chừng như âm thanh xuất hiện làm con người thêm vui nhưng chính nó lại khiến tác giả thêm cô đơn, lẻ lõi trên chính mảnh đất quê hương mình.

*“Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

*Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

Nỗi sầu không chỉ nhuốm màu vào không gian mà còn trải dài theo thời gian bất tận. Không gian được mở ra theo nhiều chiều vừa cao, vừa sâu, vừa rộng…”Nắng xuống” và “trời lên” tạo nên một sự ngăn cách, chia li theo hai chiều đối nghịch “lên” và “xuống”. Đây là cảm nhận mà chỉ khi đến với con người hiện đại chúng ta mới thấy mới cảm nhận được. Không gian không chỉ được mở rộng theo chiều rộng, chiều cao mà còn theo chiều sâu. Nắng càng xuống thấp, trời càng trở nên cao hơn ngả bóng xuống lòng sông sâu “chót vót”. Tác giả đã sử dụng từ rất đặc biệt, không phải cao “chót vót” mà là “sâu chót vót” vừa tả được độ cao cũng vừa cảm nhận được độ cao ấy. Con người trở nên bó nhỏ cô đơn trước vũ trụ bao la vô tận… “Sông dài, trời rộng” cảnh vật càng rộng lớn, kì vĩ bao nhiêu thì con người càng bé nhỏ bấy nhiêu với hình ảnh “bến cô liêu”- bến đã nhỏ lại còn hiu quạnh. Con người cảm thấy bé nhỏ hơn bao giờ hết.

*“Bèo dạt về đâu hàng nối hàng*

*Mênh mông không một chuyến đò ngang*

*Không cầu gợi chút niềm thân mật*

*Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”*

Đến đây, ta bắt gặp những hình ảnh quen thuộc, gần gũi. Hình ảnh những cánh bèo gợi sự tan tác chia ly, những cánh bèo trôi “hàng nối hàng” vô định không biết trôi dạt về nơi đâu. Đây cũng chính là số phận của những kiếp người nhỏ bé, cô đơn với một cuộc sống bấp bênh. Giữa không gian “mênh mông” rộng lớn, thi nhân cố kiếm tìm một niềm vui nhưng “không một chuyến đò ngang” không có hình bóng cuộc sống của con người. “Không cầu gợi chút niềm thân mật” không có được sự chia sẻ của tình người, tình đời. Điệp từ “không” như càng làm tăng thêm sự buồn bã cô đơn, chỉ có “bờ xanh tiếp bãi vàng” chỉ có một mình thi nhân với thiên nhiên quạnh hiu.Một lần nữa không gian lại được đẩy đến sự tận cùng của sự hoang vắng, cô liêu.

Thi nhân mở rộng thêm tầm nhìn của mình, không còn không gian ở tầm thấp nữa mà được nhìn với tầm cao, tầm xa:

*“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc*

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều xa*

*Lòng quê dợn dợn vời con nước,*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

Chỉ với bốn câu thơ cuối, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh đậm chất cổ điển với hình ảnh phía xa có hòn núi, những đám mây bay là đà “lớp lớp”. Không phải là một đàn chim mà chỉ duy nhất có một cánh chim lạc đàn nhỏ bé đơn côi “nghiêng cánh nhỏ” dưới “bóng chiều sa”. Cánh chim ấy cô đơn, lạc lõng, nỗi buồn như càng đè nặng lên đôi cánh giữa bầu trời rộng thênh thanh. Nhiên nhiên ở khổ thơ được vẽ ra là một thiên nhiên hung vĩ, tráng lệ không giống với thiên nhiên ở các khổ trước hiu quạnh, vắng lặng.

*“Lòng quê dợn dợn vờn con nước*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

“Lòng quê” hay chính là tình yêu thiên nhiên đất nước mà nhà thơ muốn gửi gắm, nó cuộn trào lên “dợn dợn” như sóng nước mênh mông. Tình yêu quê hương bất tận, choáng ngợp như chính con sông “Trường Giang” vậy. “Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhớ”, những người con xa quê hương chỉ cần một hình ảnh nhỏ thôi cũng làm họ gợi nhớ đến quê hương mình. Bóng chiều đã ngả đây là lúc con người ta nhiều tâm trạng nhiều cảm xúc nhất, nếu như Thôi Hiệu nhìn thấy khói hoàng hôn thì nhớ nhà “Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói song cho buồn lòng ai” thì đến với Huy Cận ông không cần nhìn thấy “khói hoàng hôn” nhưng vẫn nhớ tới nhà da diết. Đây là sự sáng tạo độc đáo của Huy Cận trong thơ mới.

Bài thơ “Tràng Giang” đã vẽ trước mắt ta những một bức tranh hùng vĩ, với cách nhìn độc đáo vừa gần vừa xa, vừa cao vừa sâu, nhưng bao chùm không gian ấy là một nỗi buồn. Đó không chỉ là nỗi buồn cô đơn lẻ loi của chính tác giả mà còn là nỗi buồn của một thế hệ khi phải sống trong cảnh nước mất nhà tan. Bức tranh mà Huy Cận tạo nên với những hình ảnh gần gũi như sông nước bến thuyền vừa mang một vẻ đẹp vừa cổ kính vừa hiện đại. Điều đó đã tô đậm thêm sự độc đáo trong thơ của Huy Cận.